

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Kênh tiêu 3 huyện, huyện Phù Cát, Tuy Phước, TX An Nhơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 1684/STNMT-CCBVMT ngày 27/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Kênh tiêu 3 huyện, huyện Phù Cát, Tuy Phước, TX An Nhơn của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Kênh tiêu 3 huyện, huyện Phù Cát, Tuy Phước, TX An Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 376/BQL-KTTĐ ngày 13/7/2022 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 590/TTr-STNMT ngày 21/7/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Kênh tiêu 3 huyện, huyện Phù Cát, Tuy Phước, TX An Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Phù Cát và huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND xã Cát Chánh;
- UBND xã Phước Thắng;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**KÊNH TIÊU 3 HUYỆN, HUYỆN PHÙ CÁT, TUY PHƯỚC, TX AN NHƠN**  
*(Kèm theo Quyết định số                     /QĐ-UBND ngày            /            /2022 của UBND tỉnh)*

**1. Thông tin về dự án**

- Tên dự án: Kênh tiêu 3 huyện, huyện Phù Cát, Tuy Phước, TX An Nhơn.

- Địa điểm thực hiện: xã Cát Chánh, huyện Phù Cát và xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

- Phạm vi: Diện tích thực hiện dự án là 6,58 ha (gồm: đất lúa chiếm dụng vĩnh viễn 1,54 ha, đất lúa sử dụng tạm thời 2,1 ha; đất công trình thủy lợi: 2,94 ha).

- Quy mô: xây dựng tuyến kênh dài 1,35 km.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án**

**1.3.1. Các hạng mục công trình:**

**a) Các hạng mục công trình chính:**

- Xây dựng tuyến kênh dài 1,35 km, sửa chữa và làm mới các công trình trên kênh. Kênh chia làm 2 đoạn:

+ Đoạn 1: từ thượng lưu về đến cụm điều tiết Lão Vĩnh, dài  $L_1 = 516$  m.

+ Đoạn 2: từ hạ lưu cụm điều tiết Lão Vĩnh đến tiếp giáp với tuyến kênh tiêu đã kiên cố, dài  $L_2 = 834$  m.

- Xây dựng 10 công tiêu bằng BTCT trên tuyến kênh có đường kính D600 – D1200mm.

**b) Các hạng mục công trình phụ trợ:**

- 01 bãi tập kết nguyên vật liệu với diện tích  $1.000 \text{ m}^2$ , 02 nhà vệ sinh di động.

- Kênh dẫn dòng tạm song song với tuyến kênh chính bên bờ hữu, có kết cấu là mương đất, dạng hình thang, đáy nhỏ rộng 2,0 m, đáy lớn rộng 7,7 m, cao 2,2 m, hệ số mái  $m = 1,0$ .

**1.3.2. Các hoạt động của dự án:** Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; đền bù, giải phóng mặt bằng; phát quang dọn dẹp mặt bằng; đắp đất đường thi công, đào kênh dẫn dòng; đắp đất, thi công các hạng mục công trình trên kênh và hoàn thiện công trình.

**1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án chiếm dụng vĩnh viễn 1,54 ha, chiếm dụng tạm thời 2,1 ha đất lúa và

ảnh hưởng đến sinh kế của khoảng 19 hộ dân.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Hoạt động thi công xây dựng kênh và các công trình trên kênh: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp: phát sinh bụi, khí thải tác động đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Tác động không liên quan đến chất thải: gây xáo trộn, làm thay đổi môi trường sống của một số loài thủy sinh, quá trình thi công gây ảnh hưởng đến việc cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, gây nguy cơ ô nhiễm nước mặt kênh hiện trạng và chất lượng nước phía hạ lưu kênh.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án**

### 3.1. Nước thải, khí thải

#### 3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,7 m<sup>3</sup>/ngày. Tính chất chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS) và ô nhiễm vi sinh cao.

- Nước thải xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 2 m<sup>3</sup>/ngày. Tính chất chứa nhiều cặn lơ lửng, đất cát,...

- Nước mưa chảy tràn cuốn theo đất đá trên công trường thi công. Thành phần chứa đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

#### 3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đắp đất, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là CO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, VOC,...

### 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

#### 3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 13,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, vỏ trái cây,...

#### 3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 200 m<sup>3</sup>. Thành phần chủ yếu là thân cây, gốc cây,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 932 kg trong thời gian 16 tháng thi công. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, ni lông, sắt, thép vụn,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ trong phạm vi dự án phát sinh với tổng khối lượng khoảng 3.361 m<sup>3</sup>.

### 3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại từ quá trình thi công, xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng 57 kg/16 tháng thi công. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải,...

### 3.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng ảnh hưởng đến khu dân cư hiện trạng ở phía Bắc dự án và các khu dân cư dọc tuyến đường vận chuyển trong thời gian 16 tháng thi công.

### 3.4. Các tác động khác

- Tác động không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất, hoạt động thi công ảnh hưởng đến giao thông khu vực,...

- Sự cố, rủi ro: sự cố về kỹ thuật, sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động, sự cố ngập úng,...

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

#### 4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: bố trí nhà vệ sinh di động để thu gom nước thải sinh hoạt, dung tích ngăn chứa chất thải là 400 lít. Khi bể đầy sẽ thuê đơn vị chức năng đến vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng: nước từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị trong quá trình thi công, thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước tạm thời để thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

#### 4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển có bạt phủ kín, không để rơi vãi.

- Tưới ẩm tại khu vực công trường và tuyến đường vận chuyển gần khu dân cư hiện trạng với tần suất 1 lần/ngày.

### 4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

#### 4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị các thùng đựng rác sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom rác thải và vận chuyển xử lý định kỳ theo quy định.

#### 4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

thông thường

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom và xử lý theo quy định.

- Đất bóc phong hóa được tận dụng để hoàn trả kênh dẫn dòng sau khi thi công.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị 02 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng để lưu chứa tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý (tối thiểu 06 tháng/lần) và lưu giữ chứng từ xử lý để gửi đơn vị chức năng theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc thiết bị hư hỏng.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dẫn xung quanh được biết.

#### 4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công

##### a) Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

##### b) Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

- Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.  
- Khẩn trương sơ tán, ứng cứu kịp thời, hạn chế thiệt hại và thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

##### c) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

- Xây dựng nội quy làm việc tại công trường, nội quy sử dụng thiết bị nâng cẩu, an toàn điện, an toàn giao thông, an toàn cháy nổ và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

##### d) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Nạo vét đất, cát rơi vãi xuống lòng kênh trong quá trình thi công trước mùa mưa đảm bảo lưu thông dòng chảy.

- Hoàn thành kênh dẫn dòng trước khi thi công kênh chính đảm bảo tiêu thoát nước vào mùa mưa và giai đoạn thi công.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

- Thực hiện các biện pháp quản lý công trình, kế hoạch phòng chống lụt bão theo Luật Đê điều và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

- Thực hiện đúng quy trình vận hành, quản lý bảo dưỡng công trình theo quy định.

**5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng của chủ dự án**

- Giám sát môi trường không khí xung quanh
  - + Vị trí giám sát: khu vực tiếp giáp với khu dân cư hiện trạng phía Bắc (KK) (tọa độ: 1.540.485; 602.175).
  - + Các chỉ tiêu giám sát: tổng bụi lơ lửng, tiếng ồn.
  - + Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.
  - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
  - + Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.
- Giám sát chất thải rắn
  - + Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại).
  - + Thông số giám sát: Thành phần và khối lượng các chất thải phát sinh.
  - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Giám sát sụt lún, sụt lún tại các khu vực đào đắp, san lấp.